

Bản án số: 74/2026/HSST
Ngày : 20 - 3 -2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Ty.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Huê.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2026/HSST-QĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, đối với:

- Các bị cáo:

1. **Lê Thị N**, sinh năm 1977, tại: Hải Phòng; Căn cước công dân số: 030177015802 cấp ngày 24 tháng 10 năm 2023, nơi cấp: Cục cảnh sát; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: **Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Lê Bá K** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị L** (đã chết); sống chung như vợ chồng với ông: **Phạm Văn D**, con: Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại: **Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Quách Đình L1**, sinh năm 1990, tại Hưng Yên, Căn cước công dân số: 034090022223 cấp ngày 12 tháng 8 năm 2021, nơi cấp: Cục cảnh sát; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: **Thôn A, xã D, tỉnh Lâm Đồng**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh;

tôn giáo: Không; con ông Quách Văn T, sinh năm 1957 và bà Trần Thị Phương T1, sinh năm 1958; vợ: Nguyễn Thị Trúc L2, sinh năm 1999, con: Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại: Thôn A, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn K1, sinh năm 1998, tại Lâm Đồng, Căn cước công dân số: 068098004928 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021, nơi cấp: Cục cảnh sát; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn A, xã D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1961 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1964; vợ: Phạm Thị Kim T2, sinh năm 1996 (đã ly hôn), con: Bị cáo có 01 người con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại: Thôn A, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

4. Đặng Đức H, sinh năm 1995; tại Lâm Đồng, Căn cước công dân số: 068095014236 cấp ngày 06 tháng 8 năm 2021, nơi cấp: Cục cảnh sát; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Đặng Văn S, sinh năm 1966 và bà Trần Thị T3, sinh năm 1968; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại: Thôn T, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Phạm Văn D, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn A, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn S1, sinh năm 1971; Nơi thường trú: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1976; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Số H P, Thôn B, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị N và Phạm Văn D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vào khoảng tháng 5 năm 2025, Lê Thị N gặp và nói chuyện với Quách Đình L1, về việc giữa Lê Thị N và ông Phạm Văn D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ông D từng đánh đập N cũng như đập phá đồ đạc của gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở ngoài nên N nhờ L1

tìm người đánh ông D để dẫn mặt, xong việc N sẽ gửi tiền xăng xe, tiền cà phê cho L1 và L1 đồng ý. Khoảng một tuần sau, L1 gặp Trần Văn K1 nói “có kèo làm kiếm tiền xài” và nói về việc bà N tìm người đánh dẫn mặt ông D thì K1 đồng ý. Khoảng 03 ngày sau L1 và K1 gặp nhau tại quán cà phê, lúc này L1 gọi điện trao đổi với bà N về việc đã kiếm được người đánh ông D và hỏi muốn đánh như thế nào thì bà N trả lời là đánh có thương tích. Sau đó K1 rủ thêm Đặng Đức H ra gặp trực tiếp N để nói chuyện cụ thể thì N đồng ý. Khoảng 03 ngày sau Quách Đình L1 dẫn Trần Văn K1 và Đặng Đức H đến nhà bà Hoàng Thị N1 là nhà của chị họ L1 để gặp Lê Thị N. Sau đó L1 rời đi còn N, K1, H bàn bạc thống nhất việc K1 và H sẽ đánh ông D, N sẽ trả 10.000.000 đồng. Việc bàn bạc cụ thể này đến ngày hôm sau L1 mới được N và K1 kể lại.

Đến ngày 30/05/2025, tuy chưa đánh ông D nhưng do cần tiêu xài nên K1 và H nhờ L1 thông báo cho Lê Thị N về việc K1 và H đã đánh ông D và đề nghị N chuyển 10.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Tuy nhiên sau khi Quách Đình L1 thông báo thì Lê Thị N xác minh thấy ông D chưa bị đánh nên chỉ đồng ý chuyển cho L1 3.000.000 đồng từ số tài khoản 050117860989 ngân hàng S2 mang tên LE THỊ NGAN của N qua số tài khoản A 11703297 ngân hàng Á mang tên QUACH DINH LINH của L1 để L1 chuyển cho Trần Văn K1 trước, đồng thời N nhờ L1 nói với K1 sau khi ông D đã bị đánh thì N sẽ thanh toán 7.000.000 đồng còn lại, sau khi nhận 3.000.000 đồng, Quách Đình L1 đã chuyển số tiền này qua số tài khoản MB 0338716160 của K1, sau khi nhận tiền K1 giữ lại 1.500.000 đồng và chia cho Đặng Đức H 1.500.000 đồng

Đến ngày 03/06/2025 Trần Văn K1 và Đặng Đức H bàn bạc nhau về việc sẽ thuê xe do ông D lái lấy cớ đi chơi và tìm chỗ vắng người thì đánh ông D vài cái rồi về. Đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, K1 và H đi vào khu vực gần chùa L3, thuộc xã D, Lâm Đồng rồi K1 liên hệ với ông D để đặt xe ô tô vào đón ở địa chỉ cây xăng cầu C, thôn H, xã D, tỉnh Lâm Đồng với lý do đi P chơi. Khi ông D vào đến nơi, K1 tiếp tục liên hệ ông D đón ở khu vực chùa L3, thuộc xã D, Lâm Đồng. Sau khi ông D đến, K1 và H lên xe và yêu cầu ông D chở đến 01 con đường đất thuộc thôn H, xã D, Lâm Đồng để đón thêm 02 người đi cùng. Khi đến nơi, K1 lấy cớ đi vệ sinh và nói ông D dừng xe, sau khi xuống xe K1 tiếp tục nói phía sau xe có dính gì để ông D xuống xe đi ra phía sau kiểm tra. Tuy nhiên khi ông D vừa bước xuống xe thì lúc này K1 và H dùng tay đánh nhiều cái vào đầu, mặt và người của ông D, ông D la to “cướp, cướp” thì K1 và H dừng lại và bỏ chạy còn ông D đi điều trị tại Bệnh viện I. (BL 79-94, 104-114, 124-137, 147-164)

Hậu quả: **Phạm Văn D** bị gãy sống mũi, điều trị từ ngày 14/4/2024 đến ngày 16/4/2024 xuất viện

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 24/7/2025 **Phạm Văn D** có đơn yêu cầu khởi tố vụ án.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 361/KLTTCT-PYLD ngày 25/8/2025 của Trung tâm pháp y **sở y tế tỉnh L** kết luận tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Phạm Văn D** tại thời điểm giám định là 06% (Sáu phần trăm).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận số 361/KLTTCT-PYLD ngày 25/8/2025 của Trung tâm pháp y **sở y tế tỉnh L**.

Tại Cáo trạng số: 113/CTr - VKS ngày 03 tháng 2 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Lâm Đồng đã truy tố các bị cáo **Lê Thị N**, **Quách Đình L1**, **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H**, về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm h khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Lê Thị N**, **Quách Đình L1**, **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H** đều khai nhận: Vào khoảng tháng 5/2025, do có mâu thuẫn từ trước với ông **Phạm Văn D** nên **Lê Thị N** đã thực hiện hành vi liên hệ với **Quách Đình L1** để nhờ **L1** thuê người giúp **N** đánh ông **D** với giá 10.000.000 đồng. **Quách Đình L1** sau khi biết vụ việc đã thực hiện hành vi giúp sức tích cực cho **Lê Thị N** trong việc tìm người đánh ông **D**, giúp **Lê Thị N** liên lạc với người được thuê và trung gian thanh toán số tiền 10.000.000 đồng. **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H** là những người được **Lê Thị N** và **Quách Đình L1** thuê đánh ông **D**, ngày 03/06/2025 **K1** và **H** đã thực hiện hành vi dùng tay, chân đánh gây thương tích cho ông **Phạm Văn D** với thương tích 6% tại khu vực đường đất thuộc **thôn H, xã D, Lâm Đồng** và nhận của **Lê Thị N** số tiền thuê đánh 10.000.000 đồng thông qua **Quách Đình L1**. Hành vi của các bị can là vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Về Phân trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra truy tố các bị cáo **Lê Thị N**, **Quách Đình L1**, **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H** đã bồi thường cho **Phạm Văn D** số tiền 6.000.000 đồng (mỗi bị cáo 1.500.000 đồng), bị cáo **Đặng Đức H** được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Lâm Đồng giữ quyền công tố giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên

bổ các bị cáo **Lê Thị N**, **Quách Đình L1**, **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo **Lê Thị N**, từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng;

+ Đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo **Quách Đình L1** và **Trần Văn K1** mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng;

+ Đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo **Đặng Đức H** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng;

Về hình phạt bổ sung: Không

+ Về xử lý vật chứng: Buộc bị cáo **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H** phải nộp 10.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, mỗi bị cáo phải nộp lại 5.000.000 đồng.

+ Về án phí: Buộc các bị cáo, mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Văn S1**, bà **Hoàng Thị N1** có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy ông **S1**, bà **N1** đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra và việc ông **S1**, bà **N1** vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bà **N1** là có căn cứ pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Các bị cáo **Lê Thị N**, **Quách Đình L1**, **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H** là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức bị cáo biết rất rõ việc thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của **Phạm Văn D**, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho bị hại **Phạm Văn D** là hành vi

trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng của ông D, bà N, giữa các bị cáo không có sự phân công cụ thể hoặc cấu kết chặt chẽ với nhau trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo Lê Thị N là người thuê Trần Văn K1 và Đặng Đức H đánh ông D. Quách Đình L1 là người biết rõ vụ việc, chủ động tìm giới thiệu K1 và H cho Lê Thị N. Đồng thời giúp sức cho Lê Thị N trong việc liên hệ với K1 và H và nhận tiền từ Lê Thị N để chuyển cho K1 và H. Tuy không nhận lợi ích vật chất trong vụ việc trên nhưng L1 với vai trò đồng phạm giúp sức cho Lê Thị N trong việc thuê và trả tiền cho K1 và H đánh ông D. Trần Văn K1 và Đặng Đức H là hai người được thuê, trực tiếp đánh gây thương tích cho ông D.

Hành vi của các bị cáo cố ý gây thương tích cho ông Phạm Văn D với tỷ lệ thương tật 06% là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái pháp luật đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê Thị N, Quách Đình L1, Trần Văn K1 và Đặng Đức H đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo như cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo phạm tội bằng cách thuê người gây thương tích và gây thương tích bằng cách sử dụng tay chân tác động, gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ thương tật là 06% và bị hại có đơn yêu cầu khởi tố vụ án nên vi phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Hành vi của các bị cáo không có tình tiết tăng nặng hình phạt nào theo qui định tại điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra các bị cáo đã góp mỗi bị cáo 1.500.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng để Đặng đức H đứng ra đại diện gặp bị hại D để bồi thường. Quá trình tố tụng các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Riêng bị cáo Đặng Đức H được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6]. Đối với số tiền 10.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính cần buộc bị cáo **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H** nộp vào Ngân sách nhà nước

[7]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định. Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo **Lê Thị N**, **Quách Đình L1**, **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H** phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

+ Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo **Lê Thị N** 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm;

+ Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo **Quách Đình L1** và **Trần Văn K1** mỗi bị cáo 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng;

+ Đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo **Đặng Đức H** 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm;

Về hình phạt bổ sung: Không

Giao bị cáo **Lê Thị N** cho **Ủy ban nhân dân xã Đ**, tỉnh Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao các bị cáo **Quách Đình L1**, **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H** cho **Ủy ban nhân dân xã Đ**, tỉnh Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Buộc bị cáo **Trần Văn K1** phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

+ Buộc bị cáo **Đặng Đức H** phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

3. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo **Lê Thị N**, **Quách Đình L1**, **Trần Văn K1** và **Đặng Đức H** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết. *(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 4 – Lâm Đồng;
- CQ Điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Bộ phận THAHS;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo; bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu án văn (1); hồ sơ (1)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Vui

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Vui

